TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG BÚK** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 16 - 7 - 2020
V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÚK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Y Mưng Niê;
2. Ông Trương Quang Chinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đăk Lăk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk tham gia phiên tòa: Ông Lê Quý Tỉnh - Kiểm sát viên.

Ngày 16/7/2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 2 năm 2020 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/6/2020 và Quyết định hoãn phiên toà số 06/2020/QĐST-HNGĐ ngày 25/6/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Diệu T, sinh năm 1986 - Có mặt.

Địa chỉ: Tổ dân phố A, phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Anh Trần Văn Th, sinh năm 1985 - Vắng mặt (Có đơn xin giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Tân Lập B, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện cũng như tại phiên toà nguyên đơn chị Nguyễn Thị Diệu T trình bày*:**

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Trần Văn Th tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 22/02/2013. Thời gian đầu chúng tôi sống có hạnh phúc nhưng đến năm 2016 vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không cùng

chung quan điểm, cách sống với nhau. Chúng tôi đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Thời gian ly thân đã quá lâu nhưng chúng tôi vẫn không hàn gắn được với nhau. Vì vậy, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Th.

Về con chung: Chúng tôi có 01 con chung tên Trần Thị Thảo A, sinh ngày 05/6/2014. Tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh Th phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, nợ chung: Tôi không yêu cầu giải quyết.

- Tại đơn trình bày và giải quyết vắng mặt ngày 19/5/2020, bị đơn anh Trần Văn Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Th và chị T tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 22/02/2013 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình chung sống với nhau phát sinh mâu thuẫn nên vợ chồng đã sống ly thân 05 năm, nay chị T yêu cầu ly hôn thì anh Th đồng ý.

Về con chung: Anh Th có nguyện vọng giao con chung Trần Thị Thảo A, sinh ngày 05/6/2014 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, anh Th không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản, nợ chung, anh Th không yêu cầu giải quyết.

Anh Th xin vắng mặt trong các buổi làm việc của Tòa án gồm phiên họp, phiên hòa giải và xét xử.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký, nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Trần Văn Th đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án, chị T và anh Th tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nên đã ly thân từ năm 2016 đến nay. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho chị T ly hôn với anh Th.

Về con chung: Đề nghị HĐXX chấp nhận giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành; về cấp dưỡng nuôi con chung, các bên không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết; về tài sản, nợ chung các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để giải quyết.

Tại phiên toà nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu, ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào lời trình bày của các bên đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, anh Th vắng mặt và đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành phiên tòa xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Th tự nguyện đắng ký kết hôn với nhau vào ngày 22/02/2013 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do hai bên bất đồng ý kiến quan điểm, thường xảy ra cãi nhau nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh Th đã đến mức trầm trọng, không thể hoà giải, mục đích hôn nhân không đạt được, thời gian ly thân đã lâu nhưng hai bên vẫn không thể hàn gắn để đoàn tụ, anh Th cũng đồng ý ly hôn nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện cho chị T được ly hôn với anh Th là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 51, Điều 54, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Quá trình chung sống chị T và anh Th có 01 con chung tên Trần Thị Thảo A, sinh ngày 05/6/2014. Chị T và anh Th đều có nguyện vọng giao con chung cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi nên cần chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, các bên không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Anh Th được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở; vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con chung là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản, nợ chung: Các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Toà án không đặt ra để xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 51, Điều 54, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH 12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Diệu T.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Diệu T được ly hôn với anh Trần Văn Th.

- Về con chung: Giao con chung tên Trần Thị Thảo A, sinh ngày 05/6/2014 cho chị Nguyễn Thị Diệu T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các bên không yêu cầu giải quyết.

Anh Th được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở; vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

- Về tài sản, nợ chung: Các bên không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Diệu T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2019/0006427 ngày 24/02/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Búk;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã P, huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Hoàng Văn Vân